

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2022

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Cúc

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2022/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N - sinh năm: 1980 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K - sinh năm: 1980. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Chị và anh K tự tìm hiểu khoảng 02 năm thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, chung sống hạnh phúc khoảng hơn 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trung Ng - sinh ngày: 26/12/2006.

Hiện con đang chung sống với chị N. Chị đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị N chung sống không phù hợp tính ý, chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Trần Trung Ng - sinh ngày: 26/12/2006 cho chị N tiếp tục nuôi, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh có bản tự khai trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh K không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Văn K cưới nhau vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đồng ý ly

hôn với chị N, xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Trần Văn K.

[2.2] Về con chung:

Chị N và anh K cùng xác định có 01 con chung tên Trần Trung Nguyên - sinh ngày: 26/12/2006. Hiện con đang chung sống với chị N. Chị đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng. Cháu Ng có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị N. Xét thấy hiện cháu Ng đang chung sống ổn định với chị N, chị N đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con nên yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị N là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008725 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trung Ng - sinh ngày: 26/12/2006. cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008725 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 21/11/2022, anh K được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An